

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:62/2020/HNGĐ - ST.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020.

“V/v ly hôn, tranh chấp
Về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST – HPT ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: thôn An K, xã Tứ C, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: khu 8, xã Vĩnh L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Đài Loan (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020 và lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Tiến M trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ C, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương ngày 27/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng mượn nhà của bố mẹ đẻ chị H ở xã Thụy V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để ở và làm ăn; Vợ chồng chung sống hòa

thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 6/2014 chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc gì với nhau, anh biết chị H vẫn liên lạc với gia đình. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn nên anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/5/2012. Hiện nay, cháu T đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi cháu T và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn: chị Trần Thị H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng không rõ địa chỉ. Người thân của chị H là bà Nguyễn Thị H1(mẹ đẻ) cung cấp như sau: Anh M là con rể, chị H là con đẻ bà. Các văn bản tố tụng của TAND tỉnh Phú Thọ bà đã nhận thay chị H, gia đình đã thông báo lại nội dung văn bản của Tòa án qua điện thoại, chị H đã biết và có nói cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị H nói không gửi lời khai về và cũng không nói địa chỉ ở đâu. Anh M và chị H kết hôn ngày 27/01/2011, đăng ký tại UBND xã Tứ C, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh M và chị H ở nhờ nhà của vợ chồng bà tại xã Thụy V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng anh M và chị H cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến tháng 10/2009 chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan - Trung Quốc, sau đó thỉnh thoảng có về nước. Tháng 3/2018 chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan - Trung Quốc đến nay chưa về nước. Anh M có đơn xin ly hôn chị H gia đình đã thông báo cho chị H biết và chị H có quan điểm nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh M và chị H có 01 con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/5/2012. Hiện nay, cháu T đang ở với anh M. Khi anh M và chị H ly hôn, anh M xin được tiếp tục nuôi cháu T và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M. Gia đình đã thông báo cho chị H biết và chị H có quan điểm nhất trí với nguyện vọng của anh M.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định tại điều 97, 101, 104, 105, 106, 205, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa vụ án ra xét xử là chưa tuân thủ theo quy định tại điểm

b khoản 2 điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 2 điều 476 quy định:
“Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa:

...

2. Thời hạn mở phiên tòa, phiên họp hòa giải được xác định như sau:

B, Phiên tòa phải được mở sớm nhất là 09 tháng và chậm nhất là 12 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án. Ngày mở lại phiên tòa (nếu có) được ấn định cách ngày mở phiên tòa chậm nhất 01 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều 477 của Bộ luật này.

Kiểm sát viên cho rằng kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 25/6/2020, ngày mở phiên Tòa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là ngày 21/8/2020 và thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 26/8/2020 là chưa đủ thời hạn theo quy định trên. Kiểm sát viên cho rằng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao chỉ có ý kiến đề các tòa án nghiên cứu và tham khảo về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ mà không có ý kiến về thời hạn giải quyết vụ việc dân sự.

Về nội dung: đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xét xử:

- Xử cho anh Nguyễn Tiến M được ly hôn với chị Trần Thị H;
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/5/2012 cho

anh M nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi thành niên. Chị H không phải đóng góp nuôi con chung vì anh M không yêu cầu và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Tiến M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến M nộp đơn xin ly hôn chị Trần Thị H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, anh M trình bày hiện nay chị H đang ở Đài Loan. Tại văn bản số: 10500/QLXNC - P5 ngày 02/7/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận chị Trần Thị H đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 19/3/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều

37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Trong vụ án này chị H không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

- Anh M đề nghị xin được ly hôn với chị H và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị H là ở khu 8, xã Vĩnh L, huyện L, tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ chị H ở nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của chị H là bà Nguyễn Thị H1(mẹ đẻ chị H) thì thấy giữa bà H1 và chị H vẫn liên lạc với nhau nhưng bà H1 không cung cấp được địa chỉ, tin tức chị H ở đâu ở Đài Loan. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H. Đối với anh M có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/8/2020 nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến M và chị Trần Thị H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 27/01/2011 tại UBND xã Tứ C, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh M và chị H đã xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu theo như lời khai của anh M, bà H1 mẹ đẻ chị H. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh M được ly hôn chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M và chị H có một con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/5/2012. Cháu T hiện đang ở với anh M và do anh M chăm sóc. Anh M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh M hiện nay đang nuôi cháu T và có đủ điều kiện nuôi con, bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với anh M. Chị H hiện đang ở nước ngoài không có thời gian chăm sóc con cái. Do vậy, cần giao cho anh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh M không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh M xác định không có, chị H không có mặt và không có lời khai nên không thể xác

định được. Do vậy, hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị H về có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của Kiểm sát viên về phần nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Riêng nội dung Tòa án đưa vụ án ra xét xử là chưa tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 25/6/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý vụ án và thực hiện việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, do bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết điều này được chứng minh thông qua thân nhân của chị H là bà H1 mẹ đẻ cung cấp, nên Tòa án đã căn cứ vào quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Còn điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa, được hiểu là đương sự ở nước ngoài có địa chỉ cụ thể thì Tòa án mới gửi thông báo thụ lý vụ án trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa trong văn bản thông báo thụ lý vụ án cho đương sự ở nước ngoài biết... Do vậy, việc kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định đưa vụ án ra xét xử là chưa tuân thủ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự là không đúng với hướng dẫn tại công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao Về việc: Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến M được ly hôn chị Trần Thị H.

[2]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/5/2012 cho anh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M vì anh M tự nguyện không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004227 ngày 24/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án hoặc bản án đ-ợc niêm yết. Thời hạn kháng cáo của chị H là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã Tứ C;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang